

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện công tác quy hoạch cán bộ

Thực hiện Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 27/12/2022 của Bộ Chính trị, Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Quy định công tác quy hoạch cán bộ; Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW, ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương, Hướng dẫn số 08-HD/BTCTU, ngày 25/4/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn cụ thể một số nội dung công tác quy hoạch cán bộ.

Ban Thường vụ Thành ủy Đà Lạt ban hành kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp thành phố, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân.

2. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

3. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp; đồng thời, gắn kết chặt chẽ với các khâu khác trong công tác cán bộ. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền, nguyên tắc tập trung dân chủ, công bằng, công tâm, khách quan, công khai, minh bạch.

4. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện.

5. Thực hiện phương châm quy hoạch "động" và "mở". Hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà

nước; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM TRONG THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUY HOẠCH CÁN BỘ

1. Rà soát, đánh giá nguồn cán bộ và cán bộ trước khi đưa vào quy hoạch

Các cấp ủy, tổ chức đảng, địa phương, cơ quan, đơn vị phải tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ và cán bộ theo yêu cầu sau:

- Về rà soát, đánh giá nguồn cán bộ: Trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ tiếp theo; chỉ đạo rà soát, đánh giá nguồn cán bộ đương nhiệm theo cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện để chuẩn bị nguồn nhân sự trước khi tiến hành công tác quy hoạch cán bộ.

- Đánh giá cán bộ theo các tiêu chí sau:

+ Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức, kỷ luật và việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

+ Năng lực công tác: Kết quả, hiệu quả công việc; mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

+ Uy tín: Kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo quy định (nếu có).

+ Chiều hướng, triển vọng phát triển: Khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo chức danh quy hoạch.

2. Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”

- Quy hoạch “động” là định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh để đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc uy tín thấp và kịp thời bổ sung vào quy hoạch những cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, triển vọng phát triển.

- Quy hoạch “mở” được hiểu là không khép kín trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị mà cần mở rộng nguồn cán bộ từ nơi khác để đưa vào quy hoạch những cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Không thực hiện đồng thời quy trình bổ sung quy hoạch với quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vào một chức danh lãnh đạo, quản lý. Việc thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức danh quy hoạch chỉ được thực hiện sau khi phê duyệt quy hoạch ít nhất 3 tháng.

4. Coi trọng chất lượng, không vì số lượng, cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; đồng thời, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có biện pháp hiệu quả để phân đầu thực

hiện cơ cấu ba độ tuổi (khoảng cách giữa các độ tuổi là 5 năm), tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số trong quy hoạch cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1.1. Chức danh quy hoạch

Các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, bao gồm: Các chức danh thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

1.2. Đối tượng quy hoạch

Đối tượng quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo, quản lý gồm các đối tượng, cụ thể:

- Các đối tượng của các chức danh theo phân cấp quản lý cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc thành phố căn cứ vào Phụ lục 1A, 1B, 1C để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch theo quy định.

1.3. Nhiệm kỳ quy hoạch

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

1.4. Hiệu lực quy hoạch

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ, giai đoạn theo quy định của chức danh quy hoạch.

2. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

2.1. Ban Thường vụ Thành ủy

- Xây dựng và đề xuất, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh: Ban Thường vụ Thành ủy; Bí thư, phó bí thư Thành ủy; Chủ tịch, phó Chủ tịch HĐND, UBND thành phố.

- Phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố; Trưởng, phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy (gọi chung là các ban đảng Thành ủy), Trung tâm chính trị thành phố; Ủy viên UBKT Thành ủy; Trưởng, phó các ban của HĐND thành phố; Chánh, phó Văn phòng HĐND - UBND thành phố; Trưởng, phó các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội cấp thành phố; Cấp ủy, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư các TCCS Đảng trực thuộc Thành ủy; Chủ tịch, phó Chủ tịch HĐND, UBND các phường, xã; Trưởng, phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố và các chức danh khác theo phân

cấp quản lý cán bộ. Hiệp y quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị thuộc đóng trên địa bàn thành phố.

2.2. UBND thành phố

Xây dựng và đề xuất, báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh: Trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND thành phố; Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường học trực thuộc UBND thành phố.

2.3. Thường trực HĐND thành phố

Xây dựng và đề xuất, báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh: Phó ban chuyên trách các ban của HĐND thành phố.

2.4. Đảng ủy phường, xã

- Xây dựng và báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh: Ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường, xã; Bí thư, phó bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, phó chủ tịch HĐND, UBND phường, xã.

- Xây dựng và phê duyệt quy hoạch các chức danh: Chủ tịch UBMTTQ và Trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội phường, xã.

- Cho ý kiến về nhân sự quy hoạch đối với các chức danh trưởng, phó các trường Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn phường, xã.

2.5. Đảng ủy các TCCS Đảng

- Xây dựng và báo cáo và trình Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh: Ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ; Bí thư, phó bí thư Đảng ủy.

- Triển khai thực hiện quy hoạch cấp trưởng, cấp phó cơ quan, đơn vị mình theo chỉ đạo của UBND thành phố hoặc ngành dọc cấp trên theo quy định.

- Đối với Đảng ủy Cơ quan Thành ủy, Đảng ủy Cơ quan Mặt trận và các đoàn thể thành phố có ý kiến bằng văn bản gửi Ban Thường vụ Thành ủy đối với quy hoạch cấp trưởng, cấp phó các đơn vị trong khối.

2.6. Các chi bộ trực thuộc Thành ủy

- Xây dựng và báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh: Cấp ủy; Bí thư, phó bí thư chi bộ.

- Triển khai thực hiện quy hoạch cấp trưởng, cấp phó cơ quan, đơn vị mình theo chỉ đạo của UBND thành phố hoặc ngành dọc cấp trên theo quy định.

3. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

3.1. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo phòng, ban, đơn vị

- Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

- Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

3.2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Thành ủy

- Tham mưu chủ trương, quy định về công tác quy hoạch cán bộ; giúp Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

- Tham mưu trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, đề nghị phê duyệt quy hoạch các chức danh: Ban Thường vụ; Bí thư, Phó bí thư Thành ủy, Chủ tịch, phó chủ tịch HĐND, UBND thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Thành ủy.

- Tổng kết, sơ kết, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác (khi cần thiết hoặc theo yêu cầu) để các địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

3.3. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy và cơ quan liên quan

- Thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy.

4. Thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình, hồ sơ nhân sự cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền có thể kéo dài thời gian nhưng không được quá 15 ngày làm việc.

4.1. Đối với quy hoạch lần đầu

- Các TCCS Đảng trực thuộc Thành ủy; các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội thành phố và phường, xã: *thực hiện trong tháng 5 và tháng 6/2022.*

- Cấp thành phố: *thực hiện trong tháng 7 và tháng 8/2022.*

4.2. Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026; 2025-2030, 2026-2031

Trên cơ sở kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm và quy hoạch lần đầu, hàng năm các địa phương, cơ quan, đơn vị tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo tiến độ sau:

+ Các TCCS Đảng trực thuộc Thành ủy; các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội thành phố và phường, xã: *thực hiện xong trong tháng 01*

+ Cấp thành phố: *thực hiện xong trong tháng 02.*

*** Lưu ý:** *Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch năm 2022 của nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026 các địa phương, cơ quan, đơn vị có thể kết hợp thực hiện cùng với công tác quy hoạch lần đầu.*

5. Quy hoạch chức danh cao hơn

Chỉ quy hoạch cán bộ vào chức danh cao hơn, không quy hoạch chức vụ đang đảm nhiệm.

Ví dụ:

- Đồng chí Nguyễn Văn A hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy nhiệm kỳ 2020-2025, khi quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030 sẽ không giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn A vào quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; nếu đồng chí có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì giới thiệu vào danh sách quy hoạch chức danh Phó Bí thư hoặc Bí thư Thành ủy nhiệm kỳ 2025-2030.

- Đồng chí Nguyễn Văn B hiện là Trưởng phòng nhiệm kỳ 2021-2026, khi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031 sẽ không giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn B vào quy hoạch chức danh Trưởng phòng; nếu đồng chí đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì giới thiệu vào quy hoạch chức danh Phó chủ tịch HĐND, UBND thành phố nhiệm kỳ 2026-2031 hoặc chức danh khác cao hơn chức danh đang đảm nhiệm.

6. Quy hoạch cấp ủy gắn với quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý

Lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý, bảo đảm đồng bộ với các chủ trương, quy định của Đảng về bố trí cán bộ.

Ví dụ:

- Đồng chí Nguyễn Văn D, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy nhiệm kỳ 2020-2025, nếu được giới thiệu quy hoạch chức danh Phó Bí thư Thành ủy nhiệm kỳ 2025-2030 và đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, thì có thể xem xét, giới thiệu quy hoạch hai trong ba chức danh: Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND thành phố nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Đồng chí Nguyễn Văn C, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2020-2025, nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì xem xét, giới thiệu quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy nhiệm kỳ 2025-2030 và có thể xem xét, giới thiệu quy hoạch tối đa ba chức danh: Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND thành phố nhiệm kỳ 2026-2031, trưởng ban Đảng của thành ủy hoặc chức danh lãnh đạo, quản lý khác theo quy định.

7. Phương pháp quy hoạch

- Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai của nhiệm kỳ đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch từ 1 đến 2 lần cho cả quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp.

8. Về tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi

8.1. Về tiêu chuẩn, điều kiện

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm quyền có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm theo quy định.

8.2. Về độ tuổi

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ kế tiếp đó (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên (06 năm).

8.3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch

- Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức.

- Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền (Ban Tổ chức Thành ủy) nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

9. Phương pháp tính tuổi quy hoạch

Tuổi quy hoạch được xác định theo tinh thần Kết luận số 08-KL/TW, ngày 15/6/2021 của Bộ Chính trị về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW, ngày 26/7/2021 của Ban Tổ chức Trung ương, cụ thể như sau:

- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm tính tuổi theo quy định phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ công tác (60 tháng) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

Thời điểm tính tuổi: Kế thừa cách tính thời điểm được quy định tại Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị, cụ thể:

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp ủy nhiệm kỳ 2025-2030: Cấp xã tháng 4/2025, cấp huyện tháng 6/2025, cấp tỉnh tháng 9/2025.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo các cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2026-2031: Tháng 5/2026.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của nhiệm kỳ kế tiếp được xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 5 năm (60 tháng).

- Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch phải còn ít nhất 72 tháng đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định và thực hiện như phương pháp nêu trên.

(Có Phụ lục 2 về xác định tuổi quy hoạch đối với các chức danh cụ thể kèm theo).

10. Về hệ số, số lượng và cơ cấu

10.1. Về hệ số

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

Ví dụ:

Đảng bộ phường A được xác định số lượng ủy viên ban chấp hành là 15 đồng chí; ủy viên ban thường vụ là 05 đồng chí; Số lượng quy hoạch tối đa sẽ là: (1) Ủy viên ban chấp hành: 15 đồng chí nhân với hệ số 1,5 thì tối đa là 22,5 người, làm tròn thành 23 người; (2) Ủy viên ban thường vụ: 05 đồng chí nhân với hệ số 1,5 thì tối đa là 7,5 người, làm tròn thành 08 người.

10.2. Về số lượng

- Số lượng chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý:
- + Một chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 3 cán bộ.

Ví dụ:

Theo quy định, Ủy Ban Kiểm tra Thành ủy có 2 phó trưởng ban, số lượng quy hoạch tối đa sẽ là: 2 đồng chí nhân với 3 thì tối đa là 6 người.

- + Một cán bộ quy hoạch không quá 3 chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch (không bao gồm chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp).

Ví dụ:

Đồng chí Nguyễn Văn B, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng Ban Dân vận Thành ủy X nhiệm kỳ 2020-2025 được giới thiệu quy hoạch tối đa 3 chức danh thuộc diện Tỉnh ủy quyết định phê duyệt quy hoạch (Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND thành phố X; Phó Trưởng ban Đảng Tỉnh ủy... nhưng tối đa không quá 3 chức danh).

Đồng chí Nguyễn Văn C, Phó trưởng phòng được giới thiệu quy hoạch tối đa 3 chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quyết định phê duyệt quy hoạch (Trưởng phòng, Trưởng các ban Đảng, Trưởng đoàn thể chính trị - xã hội ... nhưng tối đa không quá 3 chức danh).

10.3. Về cơ cấu

- Phân đấu cơ cấu, tỉ lệ quy hoạch cấp uỷ và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng: Cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi đối với cấp thành phố; dưới 35 tuổi đối với cấp xã) từ 15% trở lên.

- Tỷ lệ cán bộ nữ trong quy hoạch: Bảo đảm tỷ lệ cán bộ nữ trong quy hoạch từ 25% trở lên so với danh sách quy hoạch (đối với một số ngành đặc thù, tỷ lệ nữ có thể từ 20% đến 25%). Đồng thời, thực hiện chủ trương: cấp thành phố nhất thiết phải có cán bộ nữ trong cơ cấu lãnh đạo (ban thường vụ cấp ủy, thường trực HĐND, UBND thành phố; lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố).

- Cơ cấu cán bộ dân tộc thiểu số: Ở những địa phương, đơn vị có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo cơ cấu cán bộ dân tộc thiểu số ít nhất 10% so với danh sách quy hoạch.

- Cơ cấu ngành nghề: Theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và đặc điểm của từng địa phương.

11. Quy trình quy hoạch và hồ sơ nhân sự quy hoạch

11.1. Quy trình quy hoạch

Quy trình quy hoạch gồm 2 quy trình: (1) Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ. (2) Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc từ nguồn nhân sự ở nơi khác.

- Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý: Thực hiện theo Phụ lục 3.

11.2. Hồ sơ nhân sự: Thực hiện theo Phụ lục 4.

12. Đối với các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Đối với cán bộ đã từ trần thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch, cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch ban hành quyết định đưa cán bộ đó ra khỏi quy hoạch không phải thực hiện quy trình bỏ phiếu theo quy định.

Cán bộ quá tuổi quy hoạch hoặc bị cấp có thẩm quyền thi hành thi hành kỷ luật từ khiển trách trở lên (đối với cá nhân) hoặc kết luận không đảm bảo tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc chuyển công tác ra ngoài địa phương thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch.

IV. CÔNG KHAI, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUY HOẠCH

1. Công khai quy hoạch

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Quản lý quy hoạch

Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

- Sau 30 ngày kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*), kèm theo các quyết định phê duyệt quy hoạch) đối với chức danh ủy viên ban chấp hành đảng bộ thành phố quản lý theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ hằng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Điều khoản chuyển tiếp

- Đối với các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026, trước thời điểm ban hành Quy định số 11-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thì quyết định quy hoạch vẫn còn giá trị.

- Đối với các trường hợp đã thực hiện xong quy trình rà soát, bổ sung nhưng chưa phê duyệt quy hoạch thì cấp có thẩm quyền phải rà soát, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, hệ số theo Quy định số 11-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi xem xét phê duyệt quy hoạch.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác quy hoạch cán bộ ở cấp mình và chỉ đạo, hướng dẫn cấp dưới xây dựng, thực hiện cho phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn, bảo đảm tổng thể, đồng bộ, chặt chẽ, dân chủ, công bằng, công tâm, khách quan, minh bạch, đúng theo Quy định số 11-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hướng dẫn này và các quy định khác có liên quan.

3. Các nội dung quy định trước đây về công tác quy hoạch cán bộ nêu tại Kế hoạch số 28-KH/TU, ngày 21/4/2017, Công văn số 1654-CV/TU, ngày 12/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 70-KH/ThU, ngày 05/5/2017 của ban Thường vụ Thành ủy không còn giá trị thực hiện.

4. Kế hoạch này và các phụ lục kèm theo có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy Lâm Đồng,
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Các đồng chí UVBTV Thành ủy,
- Các đồng chí Thành ủy viên,
- HĐND, UBND thành phố,
- Văn phòng, các Ban XĐĐ Thành ủy,
- Trung tâm chính trị thành phố,
- UBMTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố,
- Các phòng, ban, đơn vị và các trường học thuộc UBND thành phố,
- Các TCCS Đảng trực thuộc Thành ủy,
- Lưu: VT, BTC.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Trần Duy Hùng

PHỤ LỤC 1A
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH DIỆN
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ

I. Quy hoạch chức danh Bí thư thành ủy

- **Đối tượng 1:** Phó Bí thư thành ủy; chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND thành phố; cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ, đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Ủy viên ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy; phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND huyện, thành phố.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên với cả nam và nữ.

II. Quy hoạch chức danh phó bí thư thành ủy

- **Đối tượng 1:** Ủy viên ban thường vụ thành ủy; phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND thành phố; Cấp trưởng các ban, phòng, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội thành phố.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ thành phố; cấp phó các ban, phòng, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội cấp thành phố.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 1B
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ,
BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY

I. Quy hoạch ban chấp hành đảng bộ thành phố

- **Đối tượng 1:** Cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); bí thư, phó bí thư Đảng ủy phường, xã (*được quy hoạch chức danh bí thư*).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Ủy viên ban thường vụ Đảng ủy phường, xã và tương đương; phó chủ tịch HĐND, UBND phường, xã.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II. Quy hoạch ban thường vụ thành ủy

- **Đối tượng 1:** Ủy viên ban chấp hành đảng thành phố.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Cấp trưởng, cấp phó các ban, phòng, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội cấp thành phố (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); bí thư, phó bí thư Đảng ủy phường, xã được quy hoạch vào chức danh Bí thư (*nếu chưa tham gia cấp ủy*)

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 1C
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH
DIỆN BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY QUẢN LÝ

I. Quy hoạch cấp trưởng phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố

** Đối tượng 1:* Cấp phó các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; lãnh đạo chủ chốt phường xã: bí thư, phó bí thư, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân phường, xã.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

II. Quy hoạch cấp phó các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố

** Đối tượng 1:* Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã; chuyên viên cấp thành phố (đối với những bộ phận, cơ quan thực hiện chế độ chuyên viên).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác ít nhất 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

III. Quy hoạch chức danh Bí thư Đảng ủy trực thuộc Thành ủy

- Đối tượng 1: Phó Bí thư đảng ủy trực thuộc thành ủy; chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã; cấp phó các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- Đối tượng 2: Ủy viên ban thường vụ đảng ủy trực thuộc thành ủy; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên với cả nam và nữ.

IV. Quy hoạch chức danh Phó Bí thư Đảng ủy trực thuộc Thành ủy

- Đối tượng 1: Ủy viên ban thường vụ Đảng ủy trực thuộc thành ủy; phó chủ

tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã; chuyên viên cấp thành phố (*đối với những bộ phận, cơ quan thực hiện chế độ chuyên viên*).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ phường, xã; cấp trưởng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phường, xã.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 2

QUY TRÌNH NHÂN SỰ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY QUẢN LÝ

I. Quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ

1. Bước 1: Xây dựng kế hoạch triển khai và chuẩn bị nguồn cán bộ dự kiến phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; ban thường vụ thành ủy, cấp ủy trực thuộc Thành ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc thành phố chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (1) Xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị mình. (2) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp.

2. Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích và thông qua: (1) Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị. (2) Danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để trình các hội nghị xem xét, phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Thành phần:

- Đối với cấp thành phố: Ban Thường vụ Thành ủy.
- Đối với đảng ủy trực thuộc thành ủy: Ban Chấp hành Đảng bộ.
- Đối với UBND thành phố: Tập thể thành viên UBND thành phố.
- Đối với HĐND thành phố: Thường trực HĐND thành phố.
- Đối với các phòng, ban, cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp thành phố: Tập thể lãnh đạo và cấp ủy.
- Đối với Mặt trận tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội cấp thành phố: Tập thể lãnh đạo, Ban Thường vụ Thành đoàn.
- Đối với phường, xã: Ban Chấp hành Đảng bộ phường, xã.
- Đối với chi bộ: cấp ủy (nơi không có cấp ủy thì bí thư, phó bí thư)

3. Bước 3: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) Thành phần:

+ *Đối với các thành ủy:* Ban Chấp hành Đảng bộ, Chủ tịch, phó Chủ tịch HĐND, UBND thành phố; Trưởng các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận, đoàn thể thành phố; Bí thư, phó Bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc huyện ủy, thành ủy; Bí thư, phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, phó Chủ tịch HĐND, UBND, phường, xã.

+ *Đối với Đảng ủy trực thuộc thành ủy:* Ban chấp hành Đảng bộ; Bí thư, phó Bí thư Đảng ủy; Trưởng các phòng, ban, đơn vị và tương đương; Trưởng các tổ chức đoàn thể; Bí thư các chi bộ trực thuộc Đảng ủy.

+ *Đối với các phòng, ban, cơ quan, đơn vị cấp thành phố* (bao gồm: các phòng, ban, cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố; Văn phòng Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, các ban xây dựng Đảng, Trung tâm chính trị thành phố): Tập thể lãnh đạo, cấp ủy; trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; trưởng các tổ chức đoàn thể.

+ *Đối với Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội cấp thành phố:* Cấp ủy; Trưởng, phó Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội cấp thành phố; Trưởng các tổ chức đoàn thể của cơ quan.

+ *Đối với phường, xã:* Ban Chấp hành Đảng bộ; Bí thư, phó Bí thư các chi bộ trực thuộc; Chủ tịch, phó Chủ tịch HĐND, UBND; Trưởng các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội phường, xã.

+ *Đối với chi bộ:* Cấp ủy (nơi không có cấp ủy thì bí thư, phó bí thư); cấp trưởng, cấp phó; đội trưởng, đội phó (tương đương); trưởng, phó các đoàn thể trong phòng, ban, đơn vị.

* Lưu ý: Các cơ quan, đơn vị có số lượng cán bộ, công chức, viên chức dưới 20 người, phải tổ chức lấy phiếu của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức.

(2) Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

4. Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) Thành phần:

- *Đối với Thành ủy:* Tập thể Ban Thường vụ; Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND, UBND thành phố.

- Đối với Đảng ủy trực thuộc Thành ủy: Cấp ủy, Trưởng các phòng, ban, đơn vị và tương đương; Trưởng các tổ chức đoàn thể; Bí thư các chi bộ trực thuộc Đảng ủy.

+ Đối với Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội cấp thành phố: Cấp ủy; Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố; Ban Chấp hành của các đoàn thể chính trị - xã hội cấp thành phố.

+ Đối với phường, xã: Ban Chấp hành Đảng bộ; Bí thư các chi bộ trực thuộc; Chủ tịch, phó Chủ tịch HĐND, UBND; Trưởng các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội phường, xã.

+ Đối với chi bộ: Cấp ủy (nơi không có cấp ủy thì bí thư, phó bí thư); cấp trưởng; đội trưởng (tương đương); trưởng các đoàn thể trong phòng, ban, đơn vị.

- Các cơ quan dưới 20 cán bộ, công chức, viên chức thì tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thống nhất lấy phiếu giới thiệu của toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị.

(2) Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

5. Bước 5: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3 và bước 4, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

II. Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm

1. Quy trình đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và đề xuất của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch theo các bước sau:

(1) **Bước 1:** Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1) xem xét, thông qua danh sách bổ sung quy hoạch để lấy ý kiến tại các hội nghị và bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc đưa ra khỏi quy hoạch: Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

(2) **Bước 2:** Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(3) **Bước 3:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(4) **Bước 4:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2 và bước 3, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

2. Quy trình đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

(1) **Bước 1:** Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch.

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (1) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (trong quy hoạch và ngoài quy hoạch); trong đó,

phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà địa phương, cơ quan, đơn vị hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác. (2) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(2) Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1).

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác.

(3) Bước 3: Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác.

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

(4) Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.
 - Thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch tương tự như thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp.
 - Kết quả biểu quyết giới thiệu tại bước 5 (xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp) và ở bước 4 (rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm) được công bố tại hội nghị tập thể lãnh đạo. Đối với kết quả kiểm phiếu phát hiện, giới thiệu ở các bước còn lại không công bố tại hội nghị tương ứng.
-

PHỤ LỤC 3
XÁC ĐỊNH TUỔI¹ ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH QUY HOẠCH

I. Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 1

1. Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của đảng, ủy ban kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031

Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 4/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây ²
Huyện	Sinh từ tháng 6/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây ³

2. Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2026-2031

Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước các cấp (cùng một thời điểm)	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031	
	Nam	Nữ
	Sinh từ tháng 5/1969 trở lại đây ⁴	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây ⁵

3. Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 60 tháng).

(1)- Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2029-2034 (cấp xã tháng 3/2029, cấp huyện tháng 5/2029, cấp tỉnh tháng 7/2029).

¹ Lưu ý: (1) Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định. (2) Cán bộ nữ không thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn thì việc xác định tuổi quy hoạch tương ứng ở cột độ tuổi của nữ.

² Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Thị A (nữ) sinh tháng 01/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 3 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2025) = 5 năm 01 tháng công tác (nếu tính sinh tháng 12).

³ Ví dụ 2: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 02/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2025) = 5 năm công tác.

⁴ Ví dụ 7: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 5/1969, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi thực tế tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = 5 năm công tác.

⁵ Ví dụ 8: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 9/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = 5 năm công tác.

Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2029-2034	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 3/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây ⁶
Huyện	Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây ⁷	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây ⁸

(2)- Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ nhiệm kỳ 2026-2031 (cấp xã tháng 4/2026, cấp huyện tháng 6/2026, cấp tỉnh tháng 9/2026).

Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031 (đối với cấp xã, huyện, tỉnh)
Xã	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây ⁹
Huyện	Sinh từ tháng 10/1972 trở lại đây ¹⁰

(3)- Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động nhiệm kỳ 2028-2033 (cấp xã tháng 6/2028, cấp huyện tháng 9/2028, cấp tỉnh tháng 11/2028).

Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây ¹¹
Huyện	Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây ¹²

⁶ Ví dụ 9: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 6 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 3/2029) = **5 năm 02 tháng** công tác (nếu tính sinh tháng 8/1974, thì thiếu 03 tháng).

⁷ Ví dụ 10: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 5/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **62 tuổi - 57 tuổi** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = **5 năm** công tác.

⁸ Ví dụ 11: Đồng chí Nguyễn Thị M (nữ) sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = **5 năm** công tác.

⁹ Ví dụ 14: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 9/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 7 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2026) = **5 năm 1 tháng** công tác (nếu tính sinh tháng 8/1972, thì thiếu 04 tháng).

¹⁰ Ví dụ 15: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 10/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2026) = **5 năm** công tác.

¹¹ Ví dụ 18: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 02/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 6/2028) = **5 năm** công tác.

¹² Ví dụ 19: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 5/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 9/2028) = **5 năm** công tác.

(4)- Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân nhiệm kỳ 2028-2033 (cấp xã tháng 5/2028, cấp huyện tháng 6/2028, cấp tỉnh tháng 9/2028).

Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1974 trở lại đây ¹³
Huyện	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây ¹⁴

(5)- Chức danh lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2027-2032 (cấp xã tháng 5/2027, cấp huyện tháng 8/2027, cấp tỉnh tháng 10/2027).

Độ tuổi quy hoạch đối với các chức danh cán bộ Đoàn ở các cấp (chờ Ban bí thư Trung ương Đoàn xác định cụ thể cơ bản thực hiện theo nguyên tắc nêu trên, đồng thời bảo đảm đồng bộ với độ tuổi cán bộ Đoàn theo Quyết định số 289-QĐ/TW, ngày 08/02/2010 của Ban Bí thư).

II. Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2

Độ tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2 được xác định: Độ tuổi của đối tượng 1 (của chức danh tương ứng nêu tại Phần I) cộng thêm 5 năm (60 tháng).

III. Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm đối với cả 2 đối tượng

Việc xác định độ tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp và nhiệm kỳ hiện tại tại cơ bản thực hiện như phương pháp tính nêu tại mục 7, phần II của Hướng dẫn. Vào thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với đối tượng 1 và ít nhất 2 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2; đối với rà soát bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 72 tháng (60 tháng) và ít nhất 120 tháng đối với đối tượng 2.

¹³ Ví dụ 22: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 01/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 5/2028) = 5 năm công tác.

¹⁴ Ví dụ 23: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 02/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2028) = 5 năm công tác.

PHỤ LỤC 4 DANH MỤC HỒ SƠ QUY HOẠCH

I. Hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch (theo mẫu)

1. Tờ trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.
2. Biên bản hội nghị và các biên bản kiểm phiếu giới thiệu quy hoạch; bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước.
3. Danh sách cán bộ quy hoạch các chức danh có kèm theo phân tích chất lượng.
4. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; kế hoạch luân chuyển cán bộ; kế hoạch sắp xếp, bố trí, điều động cán bộ.
5. Báo cáo kết quả quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031.

II. Danh mục hồ sơ nhân sự quy hoạch (theo mẫu)

Cá nhân các đồng chí trong quy hoạch lập 04 bộ hồ sơ (03 bộ gửi cho cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch; một bộ lưu tại cơ quan, đơn vị quy hoạch) thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Sơ yếu lý lịch theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6.
2. Nhận xét, đánh giá của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. (3) Uy tín và triển vọng phát triển.
3. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.
4. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).
5. Bản sao có giá trị pháp lý các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).
6. Quyết định bổ nhiệm vào ngạch đối với công chức; quyết định bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (áp dụng quy hoạch các chức danh: Trưởng, phó các phòng (ban) và tương đương của các địa phương, cơ quan, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp...).

*** Lưu ý:** Các tài liệu nêu trên không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét.